

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-28

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 05 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tùng Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên
Ông Lưu Thành Nam	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tùng Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/09/2015
Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/09/2015
Bà Trần Hoàng	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Tùng Anh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 19 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biễn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		29.978.065.060	29.573.916.114
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.564.251.716	10.936.693.891
111	1. Tiền		15.564.251.716	10.936.693.891
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.600.000.000	14.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.600.000.000	14.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.304.811.097	3.897.282.698
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	310.746.510	275.549.652
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		626.978.200	3.306.492.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	367.086.387	315.240.846
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		509.002.247	139.939.525
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	509.002.247	139.939.525
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		87.158.704.080	83.933.191.730
220	II. Tài sản cố định		81.663.228.544	77.827.099.831
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	81.440.926.985	77.302.471.184
222	- Nguyên giá		143.192.075.122	130.973.522.764
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.751.148.137)	(53.671.051.580)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	222.301.559	524.628.647
228	- Nguyên giá		1.065.420.000	1.065.420.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(843.118.441)	(540.791.353)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.291.437.848	1.192.854.211
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	1.291.437.848	1.192.854.211
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.204.037.688	4.913.237.688
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.204.037.688	4.913.237.688
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		117.136.769.140	113.507.107.844

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.439.089.467	13.058.940.580
310	I. Nợ ngắn hạn		13.439.089.467	13.058.940.580
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.209.747.817	706.789.033
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.312.308.011	1.243.545.827
314	3. Phải trả người lao động		7.591.764.155	6.773.297.455
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	129.043.162	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	383.159.847	378.206.995
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	10.009.121	34.107.421
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.803.057.354	3.922.993.849
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		103.697.679.673	100.448.167.264
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	103.697.679.673	100.448.167.264
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.682.050.299	5.432.537.890
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		179.542.244	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		8.502.508.055	5.432.537.890
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		117.136.769.140	113.507.107.844



Thạch Thị Kim Nga
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015		Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014	
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	114.303.004.862		67.757.578.486	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-		-	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		114.303.004.862		67.757.578.486	
11	4. Giá vốn hàng bán	18	92.712.722.934		55.469.563.401	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.590.281.928		12.288.015.085	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	710.058.875		664.416.908	
22	7. Chi phí tài chính		-		-	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-		-	
25	8. Chi phí bán hàng		-		-	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.588.426.350		5.431.539.294	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.711.914.453		7.520.892.699	
31	11. Thu nhập khác	21	67.456.001		7.033.214	
32	12. Chi phí khác	22	332.122.725		374.452.721	
40	13. Lợi nhuận khác		(264.666.724)		(367.419.507)	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.447.247.729		7.153.473.192	
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Doanh nghiệp		3.056.000.000		-	
	b. Lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp		11.391.247.729		7.153.473.192	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	2.888.739.674		1.720.935.302	
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.502.508.055</u>		<u>5.432.537.890</u>	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24		772		572


Thạch Thị Kim Nga
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởngNguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Từ 05/05/2014
			VND	đến 31/12/2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.447.247.729	7.153.473.192
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.721.360.450	5.093.036.928
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(377.936.150)	(289.964.187)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.790.672.029	11.956.545.933
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.533.609.380	(2.437.065.679)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(759.513.645)	2.840.651.318
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		340.137.278	937.652.599
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.690.124.347)	(1.548.204.676)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	237.617.344
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.287.932.141)	(2.052.753.915)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.926.848.554	9.934.442.924
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.426.377.343)	(1.911.059.074)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		438.181.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.600.000.000)	(14.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.600.000.000	11.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		768.921.096	463.966.909
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.219.274.429)	(5.047.092.165)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.080.016.300)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.080.016.300)	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Từ 05/05/2014
			VND	đến 31/12/2014 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.627.557.825	4.887.350.759
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.936.693.891	6.049.343.132
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.564.251.716</u>	<u>10.936.693.891</u>



Thạch Thị Kim Nga
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 05 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 05/05/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 29.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty vận tải Hà Nội. Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

- Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

- Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng thông báo từ hợp đồng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	205.862.313	365.062.057
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.187.651.403	10.552.530.834
Tiền đang chuyển	170.738.000	19.101.000
	<u>15.564.251.716</u>	<u>10.936.693.891</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.600.000.000	12.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
	<u>12.600.000.000</u>	<u>12.600.000.000</u>	<u>14.600.000.000</u>	<u>14.600.000.000</u>

(*) Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 5 - 6%/năm.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Xe điện Hà Nội	117.960.000	-
- Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	79.170.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	113.616.510	275.549.652
	<u>310.746.510</u>	<u>275.549.652</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	310.746.510	275.549.652
	<u>310.746.510</u>	<u>275.549.652</u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>254.802.000</u>	<u>195.151.200</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.		

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	226.365.556	-	285.227.777	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	10.154.426	-	3.511.446	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	6.291.274	-	1.229.778	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	4.903.696	-	466.395	-
Tạm ứng	86.000.000	-	-	-
Phải thu về Thuế TNCN của	33.371.435	-	24.805.450	-
	367.086.387	-	315.240.846	-

7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Đầu tư xây dựng bến xe Khuyến Lương	428.675.909	428.675.909
- Đầu tư xây dựng bãi đỗ xe tải Phía nam	635.956.364	338.229.091
- Đầu tư mở rộng lối đi có mái che bến xe phía Tây	-	200.870.909
- Đầu tư xây dựng nhà để xe đa năng bến xe phía Tây	196.078.302	196.078.302
- Công trình khác	30.727.273	29.000.000
	1.291.437.848	1.192.854.211

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	119.504.168.804	1.616.797.274	6.091.221.164	3.761.335.522	130.973.522.764
- Mua trong năm	5.860.334.145	-	-	2.290.906.680	8.151.240.825
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.176.552.881	-	-	-	5.176.552.881
- Thanh lý, nhượng bán	(89.799.075)	-	(993.770.455)	(25.671.818)	(1.109.241.348)
Số dư cuối năm	130.451.256.755	1.616.797.274	5.097.450.709	6.026.570.384	143.192.075.122
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	48.542.776.907	1.110.158.780	2.221.777.666	1.796.338.227	53.671.051.580
- Khấu hao trong năm	6.519.287.214	106.330.908	656.217.158	1.137.198.082	8.419.033.362
- Thanh lý, nhượng bán	(39.265.456)	-	(284.871.550)	(14.799.799)	(338.936.805)
Số dư cuối năm	55.022.798.665	1.216.489.688	2.593.123.274	2.918.736.510	61.751.148.137
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	70.961.391.897	506.638.494	3.869.443.498	1.964.997.295	77.302.471.184
Tại ngày cuối năm	75.428.458.090	400.307.586	2.504.327.435	3.107.833.874	81.440.926.985

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 141.760.000 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.065.420.000
Số dư cuối năm	<u>1.065.420.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	540.791.353
- Khấu hao trong năm	302.327.088
Số dư cuối năm	<u>843.118.441</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	524.628.647
Tại ngày cuối năm	<u><u>222.301.559</u></u>

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	509.002.247	139.939.525
	<u>509.002.247</u>	<u>139.939.525</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	209.619.403	419.619.403
Lợi thế kinh doanh Doanh nghiệp (*)	3.994.418.285	4.493.618.285
	<u>4.204.037.688</u>	<u>4.913.237.688</u>

(*) Công ty thực hiện phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước tối đa không quá 10 năm theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phân bổ lợi thế thương mại của công ty cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP xây dựng và phát triển kinh doanh Công ty TNHH Hoàn Mỹ	1.107.703.000	1.107.703.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	238.920.000	238.920.000	219.464.300	219.464.300
	863.124.817	863.124.817	487.324.733	487.324.733
	<u>2.209.747.817</u>	<u>2.209.747.817</u>	<u>706.789.033</u>	<u>706.789.033</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	2.209.747.817	2.209.747.817	706.789.033	706.789.033
	<u>2.209.747.817</u>	<u>2.209.747.817</u>	<u>706.789.033</u>	<u>706.789.033</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	585.120.324	7.581.342.227	7.735.769.705	-	430.692.846
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	621.478.903	2.888.739.674	2.690.124.347	-	820.094.230
Thuế Thu nhập cá nhân	-	36.946.600	568.618.218	544.043.883	-	61.520.935
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.393.531.260	1.393.531.260	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	1.243.545.827	12.438.231.379	12.369.469.195	-	1.312.308.011

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Trích trước chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	129.043.162	-
	129.043.162	-

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước dịch vụ cho thuê mặt bằng	383.159.847	378.206.995
	383.159.847	378.206.995

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.983.700	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.025.421	34.107.421
	10.009.121	34.107.421

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 05/05/2014	95.000.000.000	15.629.374	-	95.015.629.374
Lãi trong năm trước	-	-	5.432.537.890	5.432.537.890
Số dư cuối năm trước	95.000.000.000	15.629.374	5.432.537.890	100.448.167.264
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	5.432.537.890	100.448.167.264
Lãi trong năm nay	-	-	8.502.508.055	8.502.508.055
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	(5.252.995.646)	(5.252.995.646)
Số dư cuối năm nay	95.000.000.000	15.629.374	8.682.050.299	103.697.679.673

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	5.432.537.890
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21,50%	1.167.995.646
Chi trả cổ tức	75,20%	4.085.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	3,30%	179.542.244

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Tổng Công ty vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần hợp tác đầu tư và phát triển	16,36%	15.538.440.000	15,87%	15.077.260.000
Các cổ đông khác	16,58%	15.757.560.000	17,07%	16.218.740.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(4.085.000.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(4.085.000.000)	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi	96.133.130.040	59.148.298.867
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ khác	18.169.874.822	8.609.279.619
	114.303.004.862	67.757.578.486
Doanh thu đối với các bên liên quan	5.123.747.279	1.970.522.275
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.		

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ cho thuê bến bãi đã cung cấp	78.807.606.493	48.649.663.401
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	13.905.116.441	6.819.900.000
	92.712.722.934	55.469.563.401

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	710.058.875	664.416.908
	710.058.875	664.416.908

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.891.592	560.391.554
Chi phí nhân công	5.250.577.075	3.880.953.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	459.950.700	303.772.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	723.386.670	555.544.472
Chi phí khác bằng tiền	993.620.313	130.877.010
	7.588.426.350	5.431.539.294

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Tiền phạt thu được	10.000.000	-
Thu nhập khác	57.456.001	7.033.214
	67.456.001	7.033.214

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lỗ về thanh lý tài sản cố định	332.122.725	374.452.721
	332.122.725	374.452.721

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.391.247.729	7.153.473.192
Các khoản điều chỉnh tăng	1.211.435.698	668.960.000
- Chi phí không hợp lệ	1.211.435.698	668.960.000
Thu nhập tính thuế TNDN năm hiện hành	12.602.683.427	7.822.433.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất năm hiện hành	2.772.590.354	1.720.935.302
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	116.149.320	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.888.739.674	1.720.935.302
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	621.478.903	448.748.277
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.690.124.347)	(1.548.204.676)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	820.094.230	621.478.903

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.502.508.055	5.432.537.890
Các khoản điều chỉnh	(1.167.995.646)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(1.167.995.646)	-
- <i>Phân chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.334.512.409	5.432.537.890
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	772	572

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 cho quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ là 21,5%.

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.564.251.716	-	10.936.693.891	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	677.832.897	-	590.790.498	-
Đầu tư ngắn hạn	12.600.000.000	-	14.600.000.000	-
	28.842.084.613	-	26.127.484.389	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			2.219.756.938	740.896.454
Chi phí phải trả			129.043.162	-
			2.348.800.100	740.896.454

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.564.251.716	-	-	15.564.251.716
Phải thu khách hàng, phải thu khác	677.832.897	-	-	677.832.897
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	28.842.084.613	-	-	28.842.084.613
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.936.693.891	-	-	10.936.693.891
Phải thu khách hàng, phải thu khác	590.790.498	-	-	590.790.498
Các khoản cho vay	14.600.000.000	-	-	14.600.000.000
	26.127.484.389	-	-	26.127.484.389

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.219.756.938	-	-	2.219.756.938
Chi phí phải trả	129.043.162	-	-	129.043.162
	<u><u>2.348.800.100</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.348.800.100</u></u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	740.896.454	-	-	740.896.454
	<u><u>740.896.454</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>740.896.454</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu		5.123.747.279	1.970.522.275
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	17.259.091	13.990.909
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Tổng Công ty	272.790.911	174.745.457
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	546.593.183	321.117.725
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	603.634.092	381.910.455
Xí nghiệp Xe khách Nam HN	Cùng Tổng Công ty	488.763.183	86.863.637
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	1.194.340.909	701.072.274
Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	285.354.546	290.821.818
Xí nghiệp Xe điện Hà nội	Cùng Tổng Công ty	1.201.493.182	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	141.006.818	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	7.486.364	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty CP vận tải và dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	203.174.999	-
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	161.850.001	-
Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh		3.056.000.000	-
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	3.056.000.000	-
Cổ tức		2.739.272.000	-
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	2.739.272.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		254.802.000	195.151.200
Tổng công ty vận tải HN	Công ty mẹ	150.000	80.000
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Tổng Công ty	-	24.280.000
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	10.356.000	8.975.200
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	11.407.500	9.847.500
Xí nghiệp Xe khách Nam HN	Cùng Tổng Công ty	1.036.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	22.557.500	19.537.500
Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	-	8.125.000
Xí nghiệp Xe điện Hà nội	Cùng Tổng Công ty	-	124.306.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	79.170.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	4.185.000	-
Công ty CP vận tải và dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	7.980.000	-
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	117.960.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Từ 05/05/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.354.313.750	903.084.000



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 05 tháng 05 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. Giai đoạn tài chính từ 05/05/2014 đến 31/12/2014 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty kể từ khi chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp cổ phần. Vì vậy, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn này là không so sánh được với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 05/05/2014 đến ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	14.600.000.000	123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.600.000.000	(14.600.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.192.854.211	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.192.854.211	(1.192.854.211)
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	378.206.995	318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	378.206.995	378.206.995
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	(378.206.995)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.432.537.890	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	95.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	95.000.000.000	95.000.000.000
			421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.432.537.890	-
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	5.432.537.890	-


Thạc Thị Kim Nga
Người lập

Thạc Thị Kim Nga
Kế toán trưởngNguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016